

Số: 42/2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 24 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1989; thường trú: 154 ấp V, xã V, huyện C, tỉnh A; nơi tạm trú: 1/DC 60/66 Tổ 2, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh B.

2. Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1982; thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh A; nơi tạm trú: 1/DC 63/63 – 65 Tổ 2, khu phố H, thị xã T, tỉnh B.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Kim B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 58/2018, cấp ngày 05/7/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Kim B xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông Trung và bà Ba không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Kim B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận

nuôi con và cấp dưỡng, thỏa thuận không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Kim B thuận tình ly hôn.
  - Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
  - Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Kim B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002038 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND xã A huyện B, tỉnh B;
- Chi cục THADS xã A huyện B, tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã V, huyện C, tỉnh A (theo GCN số 58/2018, cấp ngày 05/7/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

#### **THẨM PHÁN**

**Lê Hoàng Vương**